

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2025
của Ngân hàng Nhà nước**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-NHNN ngày 25/5/2015 của Thống đốc NHNN về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của NHNN;

Căn cứ Quyết định số 2738/QĐ-NHNN ngày 10/7/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2025 của Ngân hàng Nhà nước;

Xét đề nghị của Văn phòng tại Tờ trình số 3189/TTr-VP6 ngày 11/12/2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính-Kế toán tại Tờ trình số ..836../TTr-TCKT3 ngày 18/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2025 của Ngân hàng Nhà nước như sau:

- Bổ sung kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2025 gồm 157 tài sản cố định là máy tính bảng, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Ngân hàng nhà nước, kế hoạch ghi vốn năm 2026, giá kế hoạch **5.100,93 triệu đồng**.

- Mua sắm tập trung 05 tài sản cố định là máy tính bảng cho Thời báo Ngân hàng, nguồn vốn do đơn vị sự nghiệp tự chi trả, giá kế hoạch **162,45 triệu đồng**.

(Chi tiết số lượng tài sản của các đơn vị tại Phụ lục I đính kèm)

Điều 2. Giao Văn phòng thực hiện mua sắm tài sản nêu trên theo đúng quy định của Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính – Kế toán, Giám đốc Sở Giao dịch, Thủ trưởng các Vụ, Cục, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các Khu vực và Tổng biên tập Thời báo Ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban lãnh đạo NHNN (để b/cáo);
- Cục CNTT (để p/hợp);
- Văn phòng (để công khai);
- Lưu VP, TCKT3.VLPhường.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Phạm Tiến Dũng

Phụ lục I
DANH SÁCH MUA SẴN MÁY TÍNH BẢNG NĂM 2025
(Đính kèm Quyết định số 251/QĐ -NHNN ngày 18/12/2025)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Số lượng trang bị	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền kế hoạch	Ghi chú
A	Các đơn vị NHNN	157		5.100,93	
I	Ban Lãnh đạo NHNN	6	32,49	194,94	
II	Đảng ủy NHNN	9	32,49	292,41	
III	Các Vụ, Cục, tại NHNN	69		2.241,81	
1	Vụ Chính sách tiền tệ	5	32,49	162,45	
2	Vụ Thanh toán	4	32,49	129,96	
3	Vụ Tín dụng các ngành kinh tế	4	32,49	129,96	
4	Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính	6	32,49	194,94	
5	Vụ Hợp tác quốc tế	3	32,49	97,47	
6	Vụ Pháp chế	2	32,49	64,98	
7	Vụ Tài chính – Kế toán	3	32,49	97,47	
8	Vụ Tổ chức cán bộ	3	32,49	97,47	
9	Văn phòng	6	32,49	194,94	
10	Thanh tra Ngân hàng Nhà nước	5	32,49	162,45	
11	Sở giao dịch	3	32,49	97,47	
12	Cục Công nghệ thông tin	3	32,49	97,47	
13	Cục Phát hành kho quỹ	4	32,49	129,96	
14	Cục quản lý ngoại hối	6	32,49	194,94	
15	Cục Phòng, chống rửa tiền	5	32,49	162,45	
16	Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng	5	32,49	162,45	
17	Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng	2	32,49	64,98	
IV	NHNN chi nhánh Khu vực	73		2.371,77	
1	Khu vực 1	4	32,49	129,96	
2	Khu vực 2	8	32,49	259,92	
3	Khu vực 3	3	32,49	97,47	
4	Khu vực 4	8	32,49	259,92	
5	Khu vực 5	4	32,49	129,96	
6	Khu vực 6	4	32,49	129,96	
7	Khu vực 7	5	32,49	162,45	

8	Khu vực 8	5	32,49	162,45	
9	Khu vực 9	5	32,49	162,45	
10	Khu vực 10	5	32,49	162,45	
11	Khu vực 11	4	32,49	129,96	
12	Khu vực 12	5	32,49	162,45	
13	Khu vực 13	4	32,49	129,96	
14	Khu vực 14	5	32,49	162,45	
15	Khu vực 15	4	32,49	129,96	
B	Đơn vị sự nghiệp thuộc NHNN	5		162,45	Văn phòng mua sắm cùng với các đơn vị NHNN
1	Thời báo Ngân hàng	5	32,49	162,45	
	TỔNG CỘNG	162		5.263,38	